

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ, HỘI NHẬP HỌC THUẬT CỦA GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC

★ ThS TRẦN TUYẾT TRINH

Vụ Tổ chức cán bộ,

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** Trong những năm gần đây, giáo dục đại học Việt Nam có sự đổi mới căn bản, toàn diện và hội nhập quốc tế, trong đó đội ngũ giảng viên đại học giữ vị trí trung tâm. Bài viết tập trung phân tích những vấn đề đặt ra đối với năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật của giảng viên đại học Việt Nam hiện nay, từ đó, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao năng lực này đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế trong giai đoạn tới.

● **Từ khóa:** giảng viên đại học; năng lực ngoại ngữ; hội nhập học thuật; đổi mới giáo dục; hội nhập quốc tế.

Current situation and solutions to improve foreign language proficiency and academic integration of university lecturers

● **Abstract:** In recent years, Vietnamese higher education has undergone fundamental and comprehensive reforms and international integration, with university lecturers playing a central role. This article focuses on analyzing the challenges facing the foreign language proficiency and academic integration of Vietnamese university lecturers today, and proposes solutions to improve these capabilities to meet the requirements of educational reform and international integration in the coming period.

● **Keywords:** university lecturers; foreign language proficiency; academic integration; educational reform; international integration.

1. Mở đầu

Hội nhập quốc tế là xu thế khách quan của sự phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học, hội nhập quốc tế gắn liền với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện về mục tiêu, nội

dung, phương thức đào tạo và quản trị nhà trường. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước. Trong bối cảnh đó, giảng viên đại học không chỉ là người truyền thụ tri thức mà còn đóng vai trò chủ thể

sáng tạo tri thức, tham gia vào môi trường học thuật quốc tế.

Năng lực ngoại ngữ và khả năng hội nhập học thuật của đội ngũ giảng viên đại học là những thành tố quan trọng, quyết định khả năng tiếp cận tri thức hiện đại, tham gia vào không gian học thuật toàn cầu và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học. Hội nhập học thuật không chỉ phản ánh mức độ tham gia của giảng viên vào mạng lưới nghiên cứu quốc tế mà còn thể hiện năng lực thích ứng với các chuẩn mực học thuật toàn cầu.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển đội ngũ giảng viên đại học trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Quan điểm nhất quán của Đảng là đội ngũ trí thức, trong đó có giảng viên đại học, là lực lượng quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng đội ngũ trí thức “có chất lượng cao, có năng lực sáng tạo, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế” (ĐCSVN, 2021, tr.161-162).

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04-11-2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo. Giảng viên đại học có trình độ từ thạc sĩ trở lên và phải được đào tạo, bồi

dưỡng nghiệp vụ sư phạm (Ban Chấp hành Trung ương, 2013).

Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (ban hành theo Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31-12-2024 của Thủ tướng Chính phủ) nhấn mạnh yêu cầu phát triển đội ngũ giảng viên theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, trong đó nhấn mạnh năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm, năng lực nghiên cứu khoa học và khả năng hội nhập quốc tế (Thủ tướng Chính phủ, 2024). Phát triển đội ngũ

giảng viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn nghề nghiệp. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo, bồi dưỡng giảng viên theo hướng phát triển năng lực và đạo đức nghề nghiệp. Tăng số lượng giảng viên học tiến sĩ ở nước ngoài; có chính sách thu hút các nhà

khoa học trong và ngoài nước, người có trình độ tiến sĩ làm giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học, người có trình độ cao, có khả năng giảng dạy, nghiên cứu và làm việc trong môi trường quốc tế. Trong bối cảnh đó, năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật được xem là điều kiện quan trọng để giảng viên thực hiện tốt vai trò và sứ mệnh của mình.

Đại hội XIV của Đảng xác định nhiệm vụ “xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới” (ĐCSVN, 2026, tr.100), “đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường đại học” (ĐCSVN, 2026, tr.101).

Quan điểm nhất quán của Đảng là đội ngũ trí thức, trong đó có giảng viên đại học, là lực lượng quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng đội ngũ trí thức “có chất lượng cao, có năng lực sáng tạo, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế”.

2.2. *Thực trạng năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật của giảng viên đại học Việt Nam hiện nay*

Năng lực ngoại ngữ của giảng viên đại học không chỉ là khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp mà là khả năng sử dụng ngoại ngữ trong các hoạt động học thuật và nghề nghiệp, bao gồm năng lực đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, viết bài báo khoa học, giảng dạy bằng ngoại ngữ, tham gia hội thảo quốc tế và hợp tác nghiên cứu với các đối tác nước ngoài.

Hội nhập học thuật của giảng viên đại học là quá trình tham gia tích cực và có hiệu quả vào không gian học thuật quốc tế. Hội nhập học thuật thể hiện ở mức độ tiếp cận và tuân thủ các chuẩn mực học thuật quốc tế, khả năng công bố khoa học trên các tạp chí uy tín, tham gia các mạng lưới nghiên cứu, dự án hợp tác quốc tế và đóng góp vào sự phát triển chung của tri thức nhân loại. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại và bổ trợ lẫn nhau, tạo thành một trong những trụ cột quan trọng của năng lực giảng viên đại học hiện đại.

Trong những năm gần đây, cùng với quá trình đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế, năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật của đội ngũ giảng viên đại học Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực. Nhiều cơ sở giáo dục đại học đã triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho giảng viên; chương trình đào tạo chất lượng cao bằng ngoại ngữ (chủ yếu là tiếng Anh) cho sinh viên, thu hút sinh viên quốc tế và tạo môi trường học thuật đa văn hóa. Đồng thời khuyến khích giảng viên tham gia công bố quốc tế và hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học với các đối tác nước ngoài, góp phần nâng cao vị thế của giáo dục đại học Việt Nam trên trường quốc tế.

Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26-10-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với giảng viên (hạng III), giảng viên chính (hạng II), giảng viên cao cấp (hạng I) về ngoại ngữ yêu cầu có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020). Gần đây, Chính phủ ban hành Nghị định số 222/2025/NĐ-CP ngày 08-8-2025 quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong cơ sở giáo dục, yêu cầu đối với giảng viên đại học phải có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu giảng dạy của chương trình đào tạo, tối thiểu bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Chính phủ, 2025).

Thực tế hiện nay, tại một số trường đại học có chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh, nhiều giảng viên có năng lực ngoại ngữ nhưng thiếu năng lực ngoại ngữ chuyên ngành đang giảng dạy. Điều này khiến cho việc truyền tải các khái niệm chuyên môn bằng tiếng Anh trở nên khó khăn và sinh viên gặp nhiều trở ngại trong việc nắm bắt nội dung (Vương Thúy Vân, 2024, tr.116-118). Trình độ ngoại ngữ, tin học của đội ngũ giảng viên đại học công lập còn thấp. Các trường mở ngành đào tạo theo chương trình tiên tiến, đội ngũ giảng viên dạy bằng tiếng Anh chưa nhiều, mới chỉ tập trung ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Theo số liệu điều tra, chỉ có 36,6% đội ngũ giáo viên đại học công lập được bồi dưỡng ngoại ngữ, 39,5% bồi dưỡng công nghệ thông tin. Đây là một con số hạn chế, là rào cản để nền giáo dục đại học Việt Nam hội nhập quốc tế. Số sinh viên chưa thể tốt nghiệp do nợ chuẩn đầu ra tiếng Anh là 30 - 40%. Nhiều sinh viên phải sau 07 năm mới có bằng cũng vì nợ chuẩn đầu ra tiếng Anh (Võ Tú Anh, 2024, tr.40-42).

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, hoạt động nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế của đội

ngũ giảng viên đại học Việt Nam đã tăng rõ rệt trong những năm gần đây. Việt Nam đứng thứ 5 về công bố quốc tế trong khu vực Đông Nam Á năm 2024, sau Indônêxia, Malaixia, Xingapo và Thái Lan. Trong giai đoạn 2020-2024, tổng số bài báo khoa học của Việt Nam đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín là 96.987 bài, trong đó các năm 2020, 2021, 2022 số bài công bố hằng năm trên 18.000 bài, năm 2023 là 19.406 bài và năm 2024 là 22.259 bài, phản ánh năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên ngày càng được nâng cao. Các trường đại học có số lượng công bố quốc tế cao nhất năm 2024 là Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh với 3.055 bài, Đại học Quốc gia Hà Nội với 1.677 bài và Đại học Bách khoa Hà Nội với 1.608 bài (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2024).

Cùng với sự gia tăng về số lượng, chất lượng công bố quốc tế cũng là một yếu tố then chốt phản ánh năng lực nghiên cứu và mức độ hội nhập học thuật quốc tế của Việt Nam, điều đó phản ánh qua chỉ số tác động trích dẫn theo lĩnh vực (Field-Weighted Citation Impact - FWCI). Trong 10 năm (từ năm 2015-2024), chỉ số FWCI là 1,09 thấp nhất (năm 2015) tăng đáng kể lên 1,34 (năm 2016) và cao nhất là vào năm 2020 với 1,46, từ năm 2020 đến năm 2024 chỉ số này giảm, quanh mức 1,2, năm 2024 xuống còn 1,18.

Số lượng công bố quốc tế ngày càng tăng nhưng chất lượng các công bố quốc tế qua chỉ số FWCI trong giai đoạn gần đây giảm dần. Mặc dù vẫn duy trì chỉ số FWCI > 1,0 - là mức bài công bố được trích dẫn nhiều hơn trung bình thế giới.

Bên cạnh những kết quả đạt được, năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật của giảng viên đại học Việt Nam vẫn còn những hạn chế nhất định. Trình độ ngoại ngữ của một bộ phận giảng viên chưa đáp ứng yêu cầu trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học ở môi trường quốc tế. Việc

tham gia công bố quốc tế còn tập trung ở một số lĩnh vực và một số cơ sở giáo dục đại học lớn, chưa có sự lan tỏa đồng đều.

Quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với năng lực của đội ngũ giảng viên đại học. Việc thực hiện tự chủ đại học, chuyển đổi số trong giáo dục và gia tăng cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục đại học đòi hỏi giảng viên không chỉ có trình độ chuyên môn vững vàng mà còn phải có năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật tương xứng.

Năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật của giảng viên không được nâng cao một cách đồng bộ, quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học sẽ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Điều này không chỉ tác động đến uy tín của các cơ sở giáo dục đại học mà còn ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.3. Định hướng giải pháp nâng cao năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật của giảng viên đại học

Trong thời gian tới, để nâng cao năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật của giảng viên đại học, cần thực hiện các giải pháp sau:

Một là, xây dựng khung năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật của giảng viên đại học

Các bộ, ban, ngành tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và chính sách liên quan đến phát triển đội ngũ giảng viên đại học trong bối cảnh hội nhập quốc tế, trong đó quy định cụ thể về khung năng lực ngoại ngữ của giảng viên đại học gắn với hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học. Tiêu chí về năng lực ngoại ngữ không chỉ là “văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ” mà cần tiếp cận theo vị trí việc làm và nhiệm vụ học thuật của giảng viên đại học.

Khung năng lực ngoại ngữ không chỉ đo lường khả năng giao tiếp thông thường mà cần tập trung vào các yếu tố sau: (1) Năng lực ngoại ngữ học thuật: kỹ năng đọc, phân tích tài liệu khoa học quốc tế; (2) Năng lực nghiên cứu và công bố quốc tế: kỹ năng viết bài báo khoa học bằng ngoại ngữ, kỹ năng trình bày, thảo luận học thuật tại hội thảo quốc tế; (3) Năng lực giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu trong môi trường quốc tế hóa: kỹ năng giảng dạy các học phần bằng ngoại ngữ; (4) Năng lực thích ứng với chuẩn mực đạo đức và văn hóa học thuật quốc tế.

Khung năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật của giảng viên đại học nên được xây dựng cụ thể theo từng chức danh giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp và từng lĩnh vực chuyên môn, làm căn cứ cho tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch và phát triển đội ngũ giảng viên.

Hai là, đổi mới hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ đối với giảng viên theo hướng học thuật và chuyên ngành

Để ngoại ngữ trở thành công cụ phục vụ nghiên cứu và hội nhập học thuật, thay vì một yêu cầu mang tính hình thức đối với giảng viên, cần đổi mới nội dung và chương trình đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ theo hướng học thuật, chuyên ngành phục vụ nghiên cứu và giảng dạy. Tổ chức lớp học ngoại ngữ theo nhóm ngành (khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học y dược...). Kết hợp đa dạng hình thức đào tạo tập trung, trực tuyến, tự học có hướng dẫn, đào tạo học thuật theo nhóm nghiên cứu, khuyến khích giảng viên đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài. Gắn nội dung đào tạo, bồi dưỡng với nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên: kỹ năng viết bài tạp chí quốc tế, phản biện học thuật và tham gia hội thảo quốc tế, dự án hợp tác quốc tế; kỹ năng giảng dạy bằng ngoại ngữ...

Ba là, phát triển môi trường học thuật, khuyến khích sử dụng ngoại ngữ thường xuyên trong giảng dạy và nghiên cứu

Năng lực ngoại ngữ chỉ được duy trì và phát triển bền vững khi giảng viên có môi trường sử dụng thường xuyên. Các trường đại học cần có biện pháp khuyến khích và hỗ trợ giảng viên giảng dạy một số học phần bằng ngoại ngữ; thành lập các nhóm nghiên cứu, hội thảo khoa học bằng ngoại ngữ; tăng cường mời giảng viên, nhà khoa học quốc tế tham gia giảng dạy, nghiên cứu; phát triển văn hóa học thuật song ngữ trong nhà trường; khuyến khích hướng dẫn học viên, nghiên cứu sinh quốc tế; tăng cường các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động giảng dạy bằng ngoại ngữ, hội thảo quốc tế.

Môi trường học thuật quốc tế hóa sẽ tạo áp lực tích cực, đồng thời thúc đẩy giảng viên chủ động nâng cao năng lực ngoại ngữ. Thông qua việc thực hành sử dụng ngoại ngữ thường xuyên, giảng viên từng bước nâng cao năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật bền vững.

Bốn là, hoàn thiện chính sách nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế đối với giảng viên

Các bộ, ban, ngành cần hoàn thiện hệ thống chính sách khuyến khích, hỗ trợ tài chính đối với giảng viên cho các nghiên cứu và công bố quốc tế; Hỗ trợ chi phí hiệu đính ngôn ngữ, phản biện học thuật quốc tế, xuất bản và tham dự hội thảo quốc tế. Xây dựng cơ chế khuyến khích hình thành nhóm nghiên cứu liên ngành, liên quốc gia. Gắn yêu cầu công bố quốc tế với lộ trình phát triển nghề nghiệp của giảng viên như đánh giá, bổ nhiệm, thăng hạng chức danh. Khen thưởng xứng đáng đối với các sản phẩm nghiên cứu có chất lượng cao bằng ngoại ngữ.

Chính sách nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế sẽ tạo động lực mạnh mẽ cho giảng viên đầu tư nghiêm túc vào nâng cao năng lực ngoại

ngữ. Sự liên thông giữa chính sách ngoại ngữ và chính sách nghiên cứu tạo động lực mạnh mẽ cho giảng viên.

Năm là, phát huy vai trò chủ động của giảng viên trong nâng cao năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật

Giảng viên cần chủ động xây dựng kế hoạch phát triển năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật cá nhân, chủ động học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ chuyên ngành, tham gia mạng lưới học thuật, cộng đồng nghiên cứu quốc tế; thường xuyên, liên tục cập nhật phương pháp nghiên cứu, giảng dạy và chuẩn mực học thuật quốc tế; hình thành tư duy học thuật toàn cầu gắn với bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam.

Sự kết hợp hài hòa giữa nỗ lực, chủ động của cá nhân giảng viên và hỗ trợ về chính sách, thể chế từ Nhà nước, các bộ, ban, ngành, nhà trường là điều kiện then chốt để nâng cao năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật của giảng viên.

3. Kết luận

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế, năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật của giảng viên đại học có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần quyết định chất lượng và hiệu quả của giáo dục đại học Việt Nam. Việc nâng cao năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật của giảng viên đại học không chỉ là yêu cầu chuyên môn mà còn là nhiệm vụ chính trị - xã hội gắn với mục tiêu phát triển đất nước nhanh và bền vững. Do đó, cần triển khai đồng bộ các giải pháp từ xây dựng khung năng lực, đổi mới đào tạo bồi dưỡng, phát triển môi trường học thuật quốc tế hóa đến hoàn thiện chính sách nghiên cứu và hợp tác quốc tế để góp phần nâng cao năng lực ngoại ngữ và hội nhập học thuật, qua đó nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đại học và vị thế học thuật của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế trong thời gian tới □

Ngày nhận bài: 05-02-2026;

Ngày bình duyệt: 10-4-2026;

Ngày duyệt đăng: 24-4-2026.

Email tác giả: trnh78@yahoo.com.vn.

Tài liệu tham khảo:

Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04-11-2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26-10-2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.*

Bộ Khoa học và Công nghệ (2024). *Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam 2024.* Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

Chính phủ (2025). *Nghị định số 222/2025/NĐ-CP ngày 08-8-2025 quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong cơ sở giáo dục.*

ĐCSVN (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập I).* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

ĐCSVN (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I).* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Thủ tướng Chính phủ (2024). *Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31-12-2024 về phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*

Vương Thúy Vân (2024). *Thực trạng và giải pháp giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành ở các trường đại học tại Việt Nam. Tạp chí Thiết bị giáo dục, (322), tr.116-118.*

Võ Tú Anh (2024). *Nghiên cứu thực trạng dạy học tiếng Anh ở các trường đại học không chuyên ngữ. Tạp chí Thiết bị giáo dục, (308), tr.40-42.*